

TRÍCH LỤC ĐỊNH MỨC 1784/BXD-VP

CHƯƠNG V: CÔNG TÁC XÂY GẠCH, ĐÁ			
15	Xây gạch Block bê tông rỗng	Thay thế AE.81110 ÷ AE.81420	AE.81110÷AE.81890
16	Xây gạch bê tông khí chưng áp bằng vữa xây bê tông nhẹ	Bổ sung	AE.85100÷AE.87700
17	Xây gạch bê tông khí chưng áp bằng vữa thông thường	Bổ sung	AE.88110÷AE.88370

Bổ sung: [Định mức Gạch block đặc](#)

BỘ XÂY DỰNG

(Định mức kinh tế xây dựng khi sử dụng VLXKN theo
Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011)

BỘ XÂY DỰNG

Số: 1091/QĐ-BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng (bổ sung)****BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/4/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế Xây dựng và Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố định mức dự toán một số công tác xây dựng kèm theo quyết định này, bổ sung vào tập Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Xây dựng đã được công bố theo văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Các Sở Xây dựng, các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành ;
- Các Tập đoàn kinh tế; Tổng công ty Nhà nước;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ xây dựng;
- Website của Bộ Xây dựng
- Lưu VP; Vụ PC; Vụ KTXD; Viện KTXD; Tha300.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG***(đã ký)***Trần Văn Sơn**

Trích lục định mức kinh tế kỹ thuật

Chương V

CÔNG TÁC XÂY GẠCH ĐÁ

AE.81000 XÂY GẠCH BLOCK BÊ TÔNG RỒNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa, xây gạch kẻ cả miết mạch, kẻ chỉ theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

AE.81100 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (20 x 20 x 40)

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.811	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	60,00	60,00	60,00	60,00
		Vữa	m ³	0,075	0,075	0,075	0,075
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,29	1,33	1,46	1,52
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 20 x 40)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.812	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	80,00	80,00	80,00	80,00
		Vữa	m ³	0,078	0,078	0,078	0,078
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,38	1,42	1,56	1,63
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81300 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 20 x 40)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.813	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	120,0	120,0	120,0	120,0
		Vữa	m ³	0,084	0,084	0,084	0,084
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,53	1,58	1,73	1,81
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (19 x 19 x 39)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 19cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.814	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	68,00	68,00	68,00	68,00
		Vữa	m ³	0,078	0,078	0,078	0,078
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,32	1,36	1,49	1,56
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81500 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 19 x 39)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.815	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	85,00	85,00	85,00	85,00
		Vữa	m ³	0,084	0,084	0,084	0,084
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,48	1,52	1,67	1,75
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81600 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 19 x 39)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.816	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	127,0	127,0	127,0	127,0
		Vữa	m ³	0,088	0,088	0,088	0,088
		Vật liệu khác	%	4,0	4,0	4,0	4,0
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,53	1,58	1,73	1,81
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (11,5 x 19 x 24)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 11,5cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.817	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	176,0	176,0	176,0	176,0
		Vữa	m ³	0,081	0,081	0,081	0,081
		Vật liệu khác	%	4,0	4,0	4,0	4,0
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,57	1,62	1,77	1,85
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81800 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (11,5 x 9 x 24)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 11,5cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.818	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	354,0	354,0	354,0	354,0
		Vữa	m ³	0,123	0,123	0,123	0,123
		Vật liệu khác	%	4,0	4,0	4,0	4,0
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,81	1,86	2,05	2,14
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.81900 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (15 x 20 x 30)Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.819	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	105,0	105,0	105,0	105,0
		Vữa	m ³	0,107	0,107	0,107	0,107
		Vật liệu khác	%	4,0	4,0	4,0	4,0
		<i>Nhân công 3,7/7</i>	công	1,47	1,51	1,66	1,73
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.85000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẸ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa xây bê tông nhẹ, cura, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

- Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.85100 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.851	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	212	212	212	212
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,27	1,38	1,52	1,59
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.851	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	209	209	209	209
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,09	1,12	1,23	1,29
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.852	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	159	159	159	159
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,22	1,33	1,46	1,53
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.85300 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.853	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	127	127	127	127
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,01	1,10	1,21	1,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.853	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	129	129	129	129
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,21	1,32	1,38
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.854	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	106	106	106	106
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	0,99	1,08	1,13
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.854	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	108	108	108	108
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,22	1,34	1,40
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85500 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.855	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	91	91	91	91
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,90	0,93	1,02	1,06
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.855	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	93	93	93	93
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,08	1,18	1,30	1,35
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85600 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.856	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	80	80	80	80
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,97	1,07	1,11
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.856	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	82	82	82	82
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,04	1,13	1,25	1,30
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.857	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	64	64	64	64
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,86	0,89	0,97	1,01
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.857	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	66	66	66	66
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,03	0,03	0,03	0,03
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,00	1,09	1,20	1,25
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.861	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	109	109	109	109
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,14	1,26	1,31
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.861	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	104	104	104	104
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,90	0,93	1,02	1,06
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.862	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	82	82	82	82
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
						10	20

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.862	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	80	80	80	80
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		Nhân công	công	0,87	0,90	0,98	1,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86300 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.863	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	65	65	65	65
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,97	1,00	1,10	1,14
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.863	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	64	64	64	64
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,83	0,85	0,94	0,98
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.864	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	55	55	55	55
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,93	0,96	1,05	1,10
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.864	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	54	54	54	54
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,80	0,82	0,90	0,94
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86500 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.865	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	47	47	47	47
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,92	1,01	1,05
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.865	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	46	46	46	46
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,77	0,79	0,87	0,91
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86600 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 20 x 60)

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.866	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	41	41	41	41
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,85	0,88	0,96	1,00
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.86700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 20 x 60)Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.867	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	33	33	33	33
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,71	0,73	0,80	0,84
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.867	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	33	33	33	33
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,030	0,030	0,030	0,030
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,82	0,84	0,93	0,97
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87100 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 30 x 60)

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.871	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	73	73	73	73
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,94	1,02	1,13	1,18
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.871	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	69	69	69	69
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,81	0,83	0,92	0,96
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87200 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.872	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	55	55	55	55
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		Máy thi công	công	0,90	0,98	1,08	1,13
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.872	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	53	53	53	53
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		Máy thi công	công	0,77	0,79	0,87	0,91
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87300 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.873	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,027	0,027	0,027	0,027
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,86	0,89	0,97	1,01
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.873	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	43	43	43	43
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,74	0,76	0,84	0,87
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87400 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.874	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	37	37	37	37
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,83	0,85	0,94	0,98
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.874	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	36	36	36	36
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,71	0,73	0,80	0,84
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87500 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.875	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	32	32	32	32
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,80	0,82	0,90	0,94
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.875	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,69	0,71	0,78	0,81
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87600 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 30 x 60)

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.876	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	28	28	28	28
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,77	0,79	0,87	0,91
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.876	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	27	27	27	27
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,66	0,68	0,75	0,78
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.87700 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.877	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	22	22	22	22
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,026	0,026	0,026	0,026
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,74	0,76	0,84	0,87
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.877	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	22	22	22	22
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,030	0,030	0,030	0,030
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,64	0,66	0,72	0,76
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.88100 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) XÂY BẰNG VỮA THÔNG THƯỜNG

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa thông thường bằng máy trộn, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

- Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.88110 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8811	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	193	193	193	193
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,32	1,44	1,58	1,65
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8811	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	184	184	184	184
		Vữa	m ³	0,216	0,216	0,216	0,216
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,14	1,24	1,37	1,43
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88120 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8812	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	145	145	145	145
		Vữa	m ³	0,168	0,168	0,168	0,168
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,27	1,38	1,52	1,59
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.88130 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8813	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	116	116	116	116
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,08	1,19	1,24
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8813	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	119	119	119	119
		Vữa	m ³	0,141	0,141	0,141	0,141
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,22	1,33	1,46	1,53
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,022	0,022	0,022	0,022
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88140 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8814	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	97	97	97	97
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,01	1,04	1,14	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8814	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	101	101	101	101
		Vữa	m ³	0,120	0,120	0,120	0,120
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,28	1,40	1,46
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,020	0,020	0,020	0,020
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88150 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8815	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	83	83	83	83
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	0,99	1,08	1,13
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8815	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	88	88	88	88
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,22	1,34	1,40
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,017	0,017	0,017	0,017
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88160 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8816	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	73	73	73	73
		Vữa	m ³	0,168	0,168	0,168	0,168
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,93	1,10	1,22	1,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8816	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	78	78	78	78
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,08	1,18	1,30	1,35
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,040	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88170 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8817	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	58	58	58	58
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,92	1,01	1,05
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8817	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	63	63	63	63
		Vữa	m ³	0,083	0,083	0,083	0,083
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,04	1,13	1,25	1,30
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88210 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8821	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	103	103	103	103
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		Nhân công	công	1,07	1,17	1,28	1,34
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8821	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	92	92	92	92
		Vữa	m ³	0,216	0,216	0,216	0,216
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,92	0,95	1,04	1,09
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
						5	6

AE.88220 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8822	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	78	78	78	78
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,03	1,12	1,24	1,29
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8822	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	73	73	73	73
		Vữa	m ³	0,168	0,168	0,168	0,168
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,89	0,92	1,01	1,05
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,026	0,026	0,026	0,026
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88230 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8823	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	62	62	62	62
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,99	1,02	1,12	1,17
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thẳng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thẳng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8823	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	60	60	60	60
		Vữa	m ³	0,141	0,141	0,141	0,141
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,85	0,88	0,96	1,00
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,022	0,022	0,022	0,022
		Máy vận thẳng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thẳng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88240 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8824	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	52	52	52	52
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,95	0,98	1,07	1,12
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8824	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	51	51	51	51
		Vữa	m ³	0,122	0,122	0,122	0,122
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,82	0,84	0,93	0,97
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-		0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88250 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8825	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,91	0,94	1,03	1,07
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8825	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	44	44	44	44
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,78	0,80	0,88	0,92
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,017	0,017	0,017	0,017
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88260 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8826	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	39	39	39	39
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,87	0,90	0,98	1,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.88270 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 20 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8827	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,72	0,74	0,81	0,85
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8827	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	31	31	31	31
		Vữa	m ³	0,083	0,083	0,083	0,083
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,84	0,87	0,95	0,99
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88310 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (7,5 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8831	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	71	71	71	71
		Vữa	m ³	0,073	0,073	0,073	0,073
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,94	1,02	1,13	1,18
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8831	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	61	61	61	61
		Vữa	m ³	0,216	0,216	0,216	0,216
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,81	0,83	0,92	0,96
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88320 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (10 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8832	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	53	53	53	53
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8832	Xây tường thăng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	48	48	48	48
		Vữa	m ³	0,169	0,169	0,169	0,169
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>					
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,027	0,027	0,027	0,027
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88330 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (12,5 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8833	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	42	42	42	42
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,86	0,89	0,97	1,01
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8833	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	40	40	40	40
		Vữa	m ³	0,141	0,141	0,141	0,141
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,74	0,76	0,84	0,87
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,022	0,022	0,022	0,022
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88340 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (15 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8834	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	35	35	35	35
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,83	0,85	0,94	0,98
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8834	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	34	34	34	34
		Vữa	m ³	0,120	0,120	0,120	0,120
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,71	0,73	0,80	0,84
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88350 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (17,5 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8835	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	30	30	30	30
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,80	0,82	0,90	0,94
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8835	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	29	29	29	29
		Vữa	m ³	0,108	0,108	0,108	0,108
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,69	0,71	0,78	0,81
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,017	0,017	0,017	0,017
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cẩu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cẩu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88360 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (20 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8836	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	26	26	26	26
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,77	0,79	0,87	0,91
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8836	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	26	26	26	26
		Vữa	m ³	0,098	0,098	0,098	0,098
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,66	0,68	0,75	0,78
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

AE.88370 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH AAC (25 x 30 x 60)

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 cm			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8837	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	21	21	21	21
		Vữa	m ³	0,074	0,074	0,074	0,074
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,74	0,76	0,84	0,87
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

 Đơn vị tính: m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 30 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 4	≤ 16	≤ 50	> 50
AE.8837	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	21	21	21	21
		Vữa	m ³	0,083	0,083	0,083	0,083
		Vật liệu khác	%	6	6	6	6
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,64	0,66	0,72	0,76
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn 80l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Máy vận thăng 0,8 T	ca	-	0,04	-	-
		Máy vận thăng lồng 3 T	ca	-	-	0,025	0,027
		Cầu tháp 25 T	ca	-	-	0,025	-
		Cầu tháp 40 T	ca	-	-	-	0,027
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				5	6	7	8

Hết Trích lục định mức kinh tế kỹ thuật

ĐỊNH MỨC CHO GẠCH BLOCK ĐẶC

Với hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật kể trên, đã không có mục dành cho gạch block đặc.

Một số doanh nghiệp đã gửi thắc mắc này tới Viện Kinh tế Xây dựng-BXD và nhận được sự phản hồi như dưới đây:

Liên quan đến chương trình phát triển vật liệu xây không nung, trong những năm qua, chúng tôi đã rất nỗ lực để đưa sản phẩm này vào thị trường. Hiện nay, chúng tôi đang đẩy mạnh đưa sản phẩm này vào các công trình Nhà nước, tuy nhiên chúng tôi đang gặp phải một số vướng mắc về định mức kinh tế kỹ thuật loại vật liệu này, cụ thể như sau:

[i] Theo quyết định số 1091/QĐ-BXD, Bộ Xây dựng ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2011 về định mức dự toán một số công tác xây dựng, có bổ sung một số định mức xây gạch block bê tông rỗng, mã hiệu từ AE.81100 đến AE.81900. Tuy nhiên, trong văn bản này chúng tôi không thấy đề cập định mức cho các loại gạch block bê tông đặc;

[ii] Theo văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16 tháng 8 năm 2007, chúng tôi thấy có đề cập đến ***gạch chỉ*** với mã định mức từ AE.21000 đến AE.28000.

Theo đó, chúng tôi đề nghị quý Viện giải đáp một số điểm mà chúng tôi chưa rõ như sau:

- 1) Gạch chỉ đề cập ở phần [ii] là loại gạch gì? Đó chỉ là gạch đặc đất nung? Nó có bao gồm loại gạch block bê tông đặc không?
- 2) Các mã định mức từ AE.21000 đến AE.28000 (gạch chỉ) có áp dụng để sử dụng cho loại gạch block bê tông đặc vào việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình không? Nếu nó không được áp dụng, xin quý Viện hướng dẫn cụ thể cho chúng tôi được biết, định mức nào có thể áp dụng cho loại gạch block bê tông đặc.

Vậy, chúng tôi mong quý Viện phúc đáp sớm để tạo điều kiện cho chúng tôi cũng như nhiều nhà cung cấp và chủ đầu tư có thể triển khai sử dụng sản phẩm gạch block bê tông đặc vào các công trình Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn!

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG

Số: **41** /VKT/ĐM

V/v: Hướng dẫn áp dụng định
mức dự toán XDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày **02** tháng 8 năm 2012

Kính gửi: Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Đoàn Minh Công

Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng đã nhận được công văn số 32/2012-DmC ngày 13 tháng 7 năm 2012 của Quý Công ty đề nghị hướng dẫn áp dụng định mức dự toán XDCT đối với gạch bê tông đặc. Sau khi nghiên cứu, Viện Kinh tế xây dựng có ý kiến như sau:

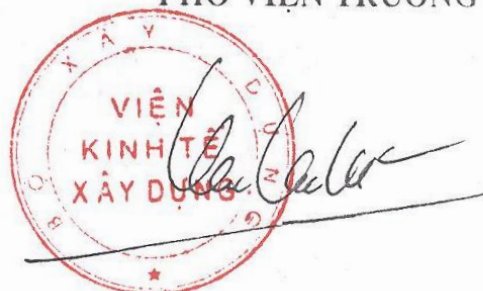
- Các định mức có mã hiệu AE.21000 ÷ AE.28000 trong tập định mức công bố kèm theo văn bản số 1776/BXD/VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng là mức hao phí về vật liệu, nhân công và máy thi công cho một đơn vị khối lượng công tác xây bằng gạch chỉ - gạch đất sét nung - theo kết cấu và điều kiện thi công cụ thể, không bao gồm gạch bê tông đặc. Tuy nhiên qua xem xét tiêu chuẩn, kích thước của gạch bê tông cho thấy, việc vận dụng định mức tại các mã hiệu AE.21000÷AE.28000 để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khi công trình có sử dụng gạch bê tông đặc với kích thước 6,5x10,5x22 (cm) theo tiêu chuẩn gạch bê tông TCVN 6477:2011 là phù hợp.

Trên đây là ý kiến của Viện Kinh tế Xây dựng về việc áp dụng Định mức dự toán XDCT số 1776/BXD/VP đối với công tác xây bằng gạch bê tông đặc. Đề nghị Quý Công ty xem xét các ý kiến trên trong quá trình triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VKT, CT-ĐM, Trg.4

K.T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Văn Cư